

Số: 769/BC-UBND

Xin Mần, ngày 29 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024

Thực hiện Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Giang năm 2023; Ủy ban nhân dân huyện Xín Mần báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành 17 văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tập trung quyết liệt triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2023¹. Trong năm UBND huyện tổ chức 04 hội nghị Ban chỉ đạo CCHC, thành phần tham gia gồm thành viên BCĐ huyện, chủ tịch UBND các xã, thị trấn, tại các hội nghị tập trung thảo luận đề ra các giải pháp triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2023.

- Số nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch năm 2023 đã thực hiện hoàn thành 43/43 nhiệm vụ đạt 100% KH.

- Công tác kiểm tra CCHC: Kiểm tra 06/06 xã theo kế hoạch của UBND huyện, kiểm tra kỷ luật, kỷ cương tại 03 cơ quan chuyên môn cấp huyện; Phối hợp với Sở Nội vụ tỉnh tổ chức kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính tại xã Pà Vây Su và thị trấn Cốc Pài.

1. Kế hoạch số 297/KH-UBND ngày 14/12/2022 về kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 02/02/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 05/3/2023 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 23/02/2023 về kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2023; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/1/2023 của UBND huyện về Tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa Chủ tịch UBND huyện với nhân dân trên địa bàn huyện năm 2023; Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 21/02/2023 về Thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Xín Mần năm 2023; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 07/3/2023 về Kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Xín Mần năm 2023; Thông báo số 16/TB-UBND ngày 22/02/2023 về Kết luận của đồng chí Phạm Duy Hiền - Chủ tịch UBND huyện tại Hội nghị đánh giá công tác kiểm soát TTHC, chuyển đổi số, kết quả triển khai Đề án 06 năm 2022, bàn giải pháp thực hiện năm 2023; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2023 về thực hiện chuyển đổi số huyện Xín Mần năm 2023; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 25/5/2023 về Cải thiện và nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2023 (PAPI); Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 31/5/2023 về Cải thiện và nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023; Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 18/6/2023 về Thành lập Đoàn kiểm tra cải cách hành chính; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2023; Thông báo số 11/TB-ĐKT ngày 22/6/2023 về Lịch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023; Thông báo số 144/TB-UBND ngày 25/9/2023 Kết luận kiểm tra công tác Cải cách hành chính; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương tại UBND xã Nà Chi, Chế Là, Tả Nhiu, Thu Tà, Nàn Ma, Thèn Phàng; Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 16/10/2023 Khắc phục những tồn tại, hạn chế sau công tác kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh tại huyện Xín Mần năm 2023; Công văn 1660/UBND-NV ngày 06/11/2023 V/v phân công rà soát, thu thập, cung cấp tài liệu kiểm chứng, báo cáo kết quả thực hiện CCHC năm 2023 phục vụ xác định, chấm điểm chỉ số Cải cách hành chính cấp huyện năm 2023; Công văn số 1702/UBND-NV ngày 09/11/2023 V.v chấm điểm xác định chỉ số Cải cách hành chính cấp xã năm 2023.

- Tổng số nhiệm vụ được UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao đã thực hiện hoàn thành đúng tiến độ 22/36 nhiệm vụ, còn 14/36 nhiệm vụ trong hạn đang thực hiện theo tiến độ.

2. Việc sử dụng kết quả chỉ số SIPAS, PARINDEX các năm 2020, 2021, 2022

- Năm 2023 UBND huyện đã ban hành kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 31/5/2023 về cải thiện và nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023; Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 31/12/2022 về khắc phục những tồn tại hạn chế chỉ số cải cách hành chính năm 2022; nhiệm vụ chủ yếu tập trung tăng cường công tác truyền thông về những nỗ lực, kết quả của chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội; Các chính sách đến với người dân; Công tác phòng chống tham nhũng, thực hiện quy chế dân chủ tới người dân, tăng thời lượng và tần suất truyền thông tới cộng đồng dân cư, thôn, tổ dân phố, hộ gia đình bằng các hình thức thông tin như truyền hình, sách, báo, đài phát thanh, pano, khẩu hiệu, tờ rơi....; tuyên truyền trực tiếp thông qua các buổi họp, hội nghị, tiếp xúc cử tri, tiếp xúc đối thoại, họp thôn, họp tổ dân phố...; kết hợp sử dụng công nghệ thông tin như: mạng xã hội, báo điện tử, Zalo, Facebook, Trang thông tin điện tử.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, Trung tâm hành chính công tỉnh và VNPT tỉnh Hà Giang tổ chức các hội nghị tập huấn:

+ 01 lớp tập huấn quản trị, vận hành, khai thác và sử dụng thử nghiệm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (VNPT iGate) cho 114 người là lãnh đạo các cơ quan đơn vị và công chức một cửa cấp huyện, cấp xã.

+ 02 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cải cách hành chính và chỉ số PAPI năm 2023 cho 240 người là trong đó: cán bộ, công chức huyện 31 người, cán bộ, công chức xã 106 người, Trưởng thôn, tổ trưởng dân phố 103 người.

+ Tổ chức thí điểm dự án chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) về “Cải thiện điều kiện tiếp cận dịch vụ hành chính công cho người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số” tại xã Nấm Dẩn và Quảng Nguyên, dự án hỗ trợ 04 bộ máy tính Laptop, máy scan, thiết bị phát wifi và ổ lưu trữ tài liệu cho 02 xã, đã tổ chức hội nghị tập huấn 05 lớp có 195 người tham gia, các học viên tham gia tập huấn đã biết cách đăng ký tài khoản dịch vụ công và sử dụng điện thoại thông minh để nộp hồ sơ trực tuyến.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tuyên truyền công tác CCHC, đã đăng 20 tin bài và 22 phóng sự về công tác cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử huyện, tỉnh; tuyên truyền trực tiếp tại các hội nghị từ huyện đến thôn được 228 cuộc với 284.112 lượt người tham gia nghe.

- Công tác tiếp xúc đối thoại với nhân dân cấp huyện thực hiện 07 cuộc với 515 lượt người tham gia, tiếp nhận 41 ý kiến; cấp xã 73 cuộc với 4.699 lượt người và tiếp nhận 466 ý kiến phản ánh kiến nghị, đã trả lời và giải quyết xong.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC LĨNH VỰC

1. Cải cách thể chế

- Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được thực hiện đúng quy định. Huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các

cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn thực hiện rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL đã ban hành trong kỳ theo yêu cầu, chỉ đạo của UBND tỉnh²; Thành lập Tổ rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức thực hiện đúng các bước, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành³. Trong kỳ, ban hành 01 văn bản QPPL⁴ là quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc theo quy định của chính phủ, bộ ngành trung ương và của tỉnh.

- Về công tác theo dõi thi hành pháp luật, UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trong năm 2023 theo định hướng của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh. Hoàn thành hoạt động kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm về chứng thực tại UBND cấp xã (Thị trấn Cốc Pài, xã Bản Ngò). Thực hiện xong hoạt động điều tra, khảo sát tình hình hình thi hành pháp luật về quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu cho sản xuất, đời sống⁵ tại một số doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện Xín Mần.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: huyện đã ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo triển khai năm 2023, đã thực hiện 100% các hoạt động, nhiệm vụ theo kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đã đề ra⁶.

². Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 19/01/2023 kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện Xín Mần; Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 23/02/2023 về việc thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn huyện Xín Mần;

³. - Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Xín Mần về việc thành lập Tổ rà soát Văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND huyện ban hành từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2023; Kế hoạch số 02 /KH-TRSHTH ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tổ rà soát hệ thống hoá về phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của huyện Xín Mần trong kỳ 2019 -2023.

⁴ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn & cơ cấu tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Xín Mần.

⁵ Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 02/02/2023 về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện Xín Mần; Công văn số 231/UBND-TP ngày 05/03/2023 của UBND huyện Xín Mần về việc triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 28/9/2023 của UBND huyện Xín Mần về điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023 trên địa bàn huyện Xín Mần; Công văn số 1425/UBND-TP ngày 29/9/2023 về việc phối hợp trong hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2023; Báo cáo số 673/BC-UBND ngày 06/11/2023 của UBND huyện Xín Mần về kết quả khảo sát đánh giá tình hình thi hành pháp luật về thực hiện pháp luật về lao động, việc làm, pháp luật quản lý, điều hành giá các mặt hàng dịch vụ thiết yếu cho sản xuất, đời sống trên địa bàn huyện Xín Mần.

⁵ Quyết định số 5166/QĐ-UBND ngày 28/09/2023 của UBND huyện Xín Mần về việc thành lập Đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trọng tâm lĩnh vực chứng thực; Kế hoạch số 01/KH - ĐKT ngày 28/09/2023 của Đoàn kiểm tra Kế hoạch kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trọng tâm về lĩnh vực chứng thực tại UBND thị trấn Cốc Pài, xã Bản Ngò năm 2023; Phân công nhiệm vụ số 01/PCNV-ĐKT ngày 23/10/2023 của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 5166 phân công nhiệm vụ cho thành viên đoàn kiểm tra; Thông báo số 06/TB-ĐKT ngày 16/10/2023 về việc thông báo nội dung và thời gian kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trọng tâm về lĩnh vực chứng thực năm 2023; Thông báo số 07/TB-ĐKT ngày 26/10/2023 kết quả kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trọng tâm về lĩnh vực chứng thực tại UBND xã Bản Ngò, thị trấn Cốc Pài; Báo cáo số 54 ngày 26/10/2023 của UBND xã Bản Ngò khắc phục sau kiểm tra THPL về chứng thực; Báo cáo số 165 ngày 14-11-2023 của UBND thị trấn Cốc Pài khắc phục sau kiểm tra THPL về chứng thực.

⁶ - Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện phối hợp với Hội đồng PBGDPL các xã, thị trấn đã tổ chức tuyên truyền pháp luật thông qua các cuộc họp, hội nghị, sinh hoạt chi bộ, qua các phương tiện thông tin đại chúng được 1.333 cuộc thu hút 284.112 lượt người tham gia nghe.

- Biên soạn và phát hành trên 100 bộ tài liệu đề cương tuyên truyền về các văn kiện pháp lý biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc. Phát hành được trên 700 bộ tài liệu (Đề cương giới thiệu các văn bản pháp luật mới ban hành) thông qua Hội nghị triển khai văn bản ở cấp huyện và cấp xã; Phát hành 61.733 tờ gấp tuyên truyền pháp luật các loại.

- Tổ chức 09 Hội thi tìm hiểu pháp luật cấp huyện bằng hình thức sân khấu hóa và 04 cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến:

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Công khai thủ tục hành chính, thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- UBND huyện đã tổ chức tập huấn cho công chức bộ phận một cửa cấp huyện, xã thực hiện cấu hình và đồng bộ thủ tục hành chính với cổng dịch vụ công quốc gia, số thủ tục hành chính hiện nay là 471 thủ tục, trong đó: Cấp huyện 284 thủ tục hành chính (một phần 117 thủ tục, toàn trình 167 thủ tục); Cấp xã 175 thủ tục (một phần 106 thủ tục, toàn trình 69 thủ tục); 18/18 xã, thị trấn cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử; 130/130 thủ tục có nghĩa vụ thanh toán trực tuyến đã niêm yết cấu hình đạt 100%; 12 thủ tục TTHC không phụ thuộc đại giới hành chính; 28 TTHC liên thông.

- Đã quyết định thành lập tổ giúp việc (kiêm nhiệm) của huyện về việc triển khai “Chiến dịch cao điểm 12 ngày đêm thiết lập quy trình điện tử giải quyết TTHC trên hệ thống thông tin TTHC Igate” gồm 5 thành viên (4 công chức huyện, 1 công chức xã); tính đến hiện nay cơ bản 100% thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã được công khai đầy đủ trên cổng dịch vụ công của tỉnh, quốc gia.

b) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Bộ phận “một cửa” của huyện đã được nâng cấp đảm bảo diện tích theo quy định, bổ sung trang thiết bị phục vụ làm việc như: bàn ghế, máy scan, máy in, máy tính...

- Bộ phận “một cửa” cấp xã cơ bản được đầu tư sửa chữa nâng cấp, trang thiết bị phục vụ hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức đến giao dịch và giải quyết thủ tục hành chính;

- Nhân sự trực tại bộ phận “một cửa” cấp huyện: bố trí 28 công chức thuộc 15 cơ quan đơn vị (ngành dọc gồm Công an, Bảo hiểm, Điện lực và Văn phòng đăng ký đất đai) trong đó công chức lãnh đạo 12/28 người, chuyên viên 16/28 người; cấp xã, thị trấn bố trí 72 người (mỗi xã 04 người) trực tiếp nhận và giải quyết TTHC các lĩnh vực gồm: Địa chính - xây dựng, Tài nguyên - môi trường; Lao động - TBXH; Tư pháp.

- Các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

- Kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo thời gian

+ Hội thi tìm hiểu kiến thức pháp luật về phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, xóa bỏ hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu, pháp luật an toàn giao thông đường bộ trong các trường học tập trung trên địa bàn huyện Xin Mần năm 2023; Hội thi “ Hòa giải viên giỏi” huyện Xin Mần lần thứ III- năm 2023; Hội thi “Bé với giao thông đường bộ” tìm hiểu pháp luật giao thông đường bộ; Hội thi “Tuyên truyền xóa bỏ hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân các dân tộc huyện Xin Mần năm 2023”; Hội thi truyền thông các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và phòng chống mua bán phụ nữ trẻ em trên địa bàn huyện Xin Mần năm 2023

. + Phát động và tổ chức cho cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ chiến sỹ trong các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang cấp huyện và cấp xã, nhân dân các thôn, tổ, dân phố tham gia các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến về tìm hiểu các quy định của pháp luật cải cách hành chính, chuyển đổi số, tìm hiểu luật phòng chống ma túy, phòng chống tham nhũng thu hút được 6.936 lượt người tham gia thi; gửi 15 bài viết tham gia dự thi.

- Tuyên truyền PBGDPL thông qua Hội nghị tập huấn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính & xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Đất đai, khoáng sản, lâm nghiệp& xây dựng với 250 đại biểu tham gia.

thực trên môi trường điện tử tại thời điểm ngày 25/11/2023: Chỉ số Tổng hợp của huyện đạt 60,07 điểm, xếp loại trung bình, xếp thứ 2/11 huyện, thành phố:

- + Tiến độ giải quyết hồ sơ: 94.41%, xếp loại xuất sắc;
- + Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến: 43,53%, xếp loại khá;
- + Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 84,01%, xếp loại tốt;
- + Số hóa hồ sơ: 61,1 %, xếp loại khá;
- + Mức độ hài lòng: 100%, xếp loại Tốt;
- + Công khai, minh bạch: 5,4%, xếp loại yếu.

- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công của tỉnh:

Số lượng hồ sơ tiếp nhận qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn/>) từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/11/2023

Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ báo là **11.047** hồ sơ (cấp huyện: 2.128 hồ sơ; cấp xã: 8.919 hồ sơ)

Số hồ sơ trực tuyến toàn huyện: **9.484/11.047** hồ sơ, đạt 94,4% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận (*Cấp huyện: 1.118/ 2.128 hồ sơ (81,8%); Cấp xã: 7.776/8.919 hồ sơ (97,4%)*).

Số hồ sơ trực tiếp và qua dịch vụ BCCI: 1.289/11.047 hồ sơ, chiếm 3,9 % so với tổng hồ sơ tiếp nhận; Cấp huyện: 321/2.128 hồ sơ (16,7%); Cấp xã: 968/8.919 hồ sơ (0,9%).

Tổng số hồ sơ đã giải quyết là **10.687** hồ sơ (*trả đúng hạn 381/10.687 hồ sơ, đạt 14,8%; trả trước hạn 10.205/10.687 đạt 83,7%; trả quá hạn 101/10.687 hồ sơ, chiếm 1,5%*); Cấp huyện: 2.055 hồ sơ (*trả đúng hạn 76/2.055 hồ sơ, đạt 4,2%; trả trước hạn 1.921/2.055 hs đạt 93,1%; trả quá hạn 58/2.055 hồ sơ, chiếm 2,8%*); Cấp xã: 8.632 hồ sơ (*trả đúng hạn 305/8.632 hồ sơ, đạt 17,3%; trả trước hạn 8.284/8.632 hs đạt 81,5%; trả quá hạn 43/8.632 hồ sơ, chiếm 1,2%*).

Tổng số hồ sơ đang giải quyết là **56** hồ sơ (*chưa đến hạn là 49 hồ sơ; quá hạn là 07/56 hồ sơ (2,3%)*); Cấp huyện 24 hồ sơ (*chưa đến hạn 24 hs; quá hạn 0 hs*); Cấp xã 32 hồ sơ (*chưa đến hạn 25 hs; quá hạn 07 hs*);

Tổng số hồ sơ thanh toán trực tuyến: 2.475/2.949 hồ sơ (*đạt 83,94%*).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy

- 12/12 cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ.

- Cơ cấu, số lượng lãnh đạo các phòng ban và tương đương:

+ Khối quản lý nhà nước: Số lượng cấp phó được bố trí theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ, các phòng chuyên môn QLNN bố trí bình quân không quá 02 cấp phó/phòng, hiện có 21/24 phó trưởng phòng.

+ Các đơn vị sự nghiệp: Số lượng cấp phó tại các đơn vị sự nghiệp được bố trí theo hạng đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số 84 người/59 đơn vị, (*phó hiệu trưởng 78 người/56 trường học; phó các đơn vị sự nghiệp khác 6 người/3 đơn vị*).

- Số lượng đơn vị sự nghiệp đã giảm so với năm 2015 là 05 đơn vị (*năm 2015 có 64 đơn vị, năm 2023 giảm xuống còn 59 đơn vị*); giai đoạn 2023-2025 UBND huyện đang xây dựng kế hoạch sáp nhập 10 đơn vị trường học (*năm 2023 dự kiến giảm 02 trường học*).

b) Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính

- Căn cứ Quyết định giao biên chế của UBND tỉnh, UBND huyện đã giao kế hoạch sử dụng công chức, số người làm việc cho các cơ quan, đơn vị, đồng thời ban hành thông báo kế hoạch sử dụng biên chế công chức, viên chức giai đoạn 2023-2026 theo Kế hoạch số 185/KH-UBND, ngày 13/5/2023 của UBND tỉnh Hà Giang.

- Về thực hiện tinh giản biên chế đến năm 2026 công chức huyện giảm 04 người chiếm 4,5%, (*từ 88 người giảm xuống còn 84 người*), viên chức sự nghiệp công lập giảm 158 người chiếm 11,96% so với năm 2021 (*từ 1.421 người giảm xuống còn 1.263 người*)⁷.

- Quản lý sử dụng biên chế các cơ quan đơn vị, sự nghiệp công lập năm 2023 đang thực hiện 1.447/1.541 người; *Trong đó:*

+ Biên chế công chức huyện thực hiện 78/88 người; Hợp đồng theo NĐ 111: 3/3 người.

+ Số người làm việc sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo 1.313/1.398 người; Hợp đồng theo NĐ 111: 01/01 người.

+ Số người làm việc sự nghiệp khác 50/51 người (*Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX 17/19 người; Trung tâm Văn hóa, thông tin và du lịch 23/25 người; Trạm Khuyến nông 06/06 người; Các hội đặc thù 04/05 người*). Hợp đồng NĐ 111 là 02/02 người.

c) Về thực hiện phân cấp quản lý

Huyện được phân cấp quản lý 4 lĩnh vực gồm Quản lý ngân sách, Đầu tư công, quản lý đất đai, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; trong quá trình thực hiện đã công khai, minh bạch hóa các hoạt động quản lý nhà nước; công khai các thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, rút ngắn thời gian giao dịch cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước; tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Tuyển dụng

⁷. Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 6/8/2022 của UBND huyện về Tinh giản biên chế công chức trong cơ quan hành chính thuộc UBND huyện Xín Mần đến năm 2026; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 28/2/2022 của UBND huyện về Tinh giản biên chế số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Xín Mần giai đoạn 2021-2025.

- Tổ chức tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục & đào tạo kế hoạch năm 2022 được 43/85 chỉ tiêu; tuyển dụng theo kế hoạch năm 2023 tuyển được 44/56 chỉ tiêu, trong quá trình thực hiện công tác tuyển dụng đảm bảo đúng quy trình, khách quan, minh bạch, sau tuyển dụng không có đơn thư liên quan đến công tác tuyển dụng, hiện nay đang phân công công tác đối với những người trúng tuyển.

- Thực hiện ủy quyền của UBND tỉnh, huyện đã tổ chức sát hạch công chức xã, viên chức để đề nghị tiếp nhận vào làm công chức huyện năm 2022 là 10 người, được tỉnh phê duyệt 8/10 người.

Các kế hoạch, thông báo và các văn bản liên quan đến tuyển dụng đều được công khai trên trang thông tin điện tử của huyện, đồng thời niêm yết tại bộ phận “Một cửa” huyện và gửi đến UBND các xã, thị trấn.

b) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, quản lý CBCCVC

- Công tác bổ nhiệm cán bộ thực hiện đúng quy trình, qui định, trước khi quyết định hoặc trình xin chủ trương của Thường trực, Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực UBND huyện họp bàn bạc thống nhất, kết luận theo đa số, vì vậy không để xảy ra tình trạng đơn thư liên quan đến công tác bổ nhiệm, điều động cán bộ. Kết quả quyết định bổ nhiệm lãnh đạo quản lý 06 người, bổ nhiệm lại 16 người, điều động và bổ nhiệm 15 người; quyết định điều động 72 cán bộ, công chức, viên chức;

- Về chuyển đổi vị trí công tác: UBND huyện đã ban hành kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 29/11/2022 về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2023, tổng số đối tượng phải chuyển đổi là 22 công chức trong đó 11 Kế toán xã, 9 Địa chính Nông nghiệp TNMT, 02 kế toán trường học; đã thực hiện 20/22 người, còn 02 chưa thực hiện do 01 người nghỉ công tác theo nguyện vọng, 01 người đang có phương án bố trí nhiệm vụ khác.

- Cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm: Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo được bố trí phù hợp với chức năng, nhiệm vụ:

+ Công chức 59 vị trí (nhóm lãnh đạo quản lý 12 vị trí, nhóm nghiệp vụ chuyên ngành 28 vị trí, nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung 15 vị trí, nhóm hỗ trợ phục vụ 4 vị trí), đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 29/6/2022.

+ Viên chức 23 vị trí (Nhóm lãnh đạo quản lý 6 vị trí, nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành 12 vị trí, nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung 02 vị trí, nhóm hỗ trợ phục vụ 03 vị trí), đang trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh cơ cấu ngạch tại Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 11/7/2023 của UBND huyện Xín Mần.

- Cập nhật thông tin vào phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC: Thường xuyên đôn đốc các cơ quan đơn vị chỉ đạo CBCCVC thực hiện cập nhật thông tin vào phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng 138 viên chức quản lý các trường học năm học 2022 – 2023⁸ (66/138 người xuất sắc, 60/138 người hoàn thành tốt, 10/138

⁸- Bạc mâm non: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 25/47 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ 20/47 người, hoàn thành nhiệm vụ 02/47 người.

- Bạc Tiêu học: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 20/44 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ 18/44 người, hoàn thành nhiệm vụ

người hoàn thành nhiệm vụ, 2/138 người không hoàn thành nhiệm vụ). Chỉ đạo tổ chức đánh giá xếp loại chất lượng CBCCVC năm 2023 theo quy định.

c) Đào tạo bồi dưỡng

- Cử CBCC đi đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ 06 lượt người (*Cao học 02 đại học là 04 người*).

- Cử đi bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cán bộ, công chức, viên chức: 1.029 lượt người.

- Bồi dưỡng công tác tin ngưỡng, tôn giáo 245 lượt người.

d) Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số có mặt hiện tại là 350/354 người, thực hiện đúng định biên theo Quyết định số 32/2020 của UBND tỉnh Hà Giang, cơ bản CBCC xã đạt chuẩn theo quy định.

đ) Chế độ chính sách cho CBCCVC

- Quyết định thôi việc theo nguyện vọng 14 công chức, viên chức;

- Quyết định giải quyết cho công chức, viên chức nghỉ chế độ theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP đợt I năm 2023 là 05 người, đợt II năm 2023 cho 10 người; quyết định chuyển mã ngạch, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông theo các Thông tư: 01,02,03,04 của Bộ Giáo dục và đào tạo với tổng số 824 viên chức; quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho 37 viên chức sau thời gian sự được tuyển dụng năm từ năm 2021; quyết định bổ nhiệm ngạch cho 15 công chức huyện; thực hiện chế độ tiền lương phụ cấp cho CBCCVC 1.318 lượt người (*chuyển xếp lương 14 người, nâng lương trước hạn 8 người, nâng lương thường xuyên 348 người, phụ cấp lâu năm 176 người, phụ cấp thâm niên nghề 752 người, phụ cấp vượt khung 20 người*).

5. Cải cách cơ chế quản lý tài chính công

- Giải ngân các nguồn vốn đầu tư theo kế hoạch tỉnh giao 366,23/403,186 tỷ đồng, đạt 90% KH tỉnh giao,

- Thu – chi ngân sách:

+ Thu ngân sách trên địa bàn được 77.350/76.2 triệu đồng, đạt 101,5% KH tỉnh giao.

+ Chi ngân sách đạt: 980.531 /980.531 triệu đồng, đạt 100% KH tỉnh giao.

- Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công: 100% số cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công đúng quy định, hướng dẫn.

vụ 04/44 người, không hoàn thành nhiệm vụ 02/44 người.

- Bậc THCS: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 18/38 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ 16/38 người, hoàn thành nhiệm vụ 04/38 người.

- Liên cấp TH& THCS: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 03/06 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ 03/06 người.

- Trung tâm giáo dục NN-GD TX 03/03 người hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ Lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo đúng quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công: UBND huyện đã rà soát, tổng hợp báo cáo kết quả sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn huyện: Phương án tiếp tục sử dụng 53 cơ sở nhà và đất; Tổng số cơ sở nhà và đất đề nghị điều chuyển: 18 cơ sở (Điều chuyển một phần 16 cơ sở, điều chuyển hẳn 02 cơ sở). Bán đấu giá một phần tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: 01 cơ sở.

+ Công khai, minh bạch về quản lý ngân sách, thu chi tài chính: Các cơ quan quản lý hành chính đã thực hiện công khai dự toán thu- chi năm 2023, quyết toán thu- chi ngân sách năm 2022 theo đúng quy định. Báo cáo, thông báo công khai dự toán thu- chi năm 2023, quyết toán thu- chi ngân sách năm 2022 trên địa bàn huyện được đăng trên trang thông tin điện tử của huyện.

+ Chủ động sắp xếp tổ chức bộ máy, sử dụng biên chế và kinh phí nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chức năng nhiệm vụ: Kinh phí được giao cho các đơn vị được căn cứ vào số lượng biên chế được giao, đảm bảo chi hoạt động đúng theo chức năng nhiệm vụ.

- Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra theo Kết luận số 06/KL-TTr ngày 08/12/2022 của Thanh tra tỉnh Hà Giang, về kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý đầu tư xây dựng và việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững tại Ủy ban nhân dân huyện Xín Mần, đã thực hiện đạt 100% kiến nghị (*thu hồi nộp nhà nước 1.495.067.435 /1.495.067.435 đồng*).

- Thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Đã ban hành Quyết định về phân loại mức độ đơn vị tự chủ về tài chính giai đoạn 2022-2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện, 100% các đơn vị sự nghiệp công lập đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công đúng quy định.

+ Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: 2 đơn vị (Ban QLDAĐTXD, Trung tâm DVCCMT và cấp thoát nước).

+ Số đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 02 đơn vị (Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần, Bệnh viện đa khoa Nà Chi).

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài chính, sử dụng tài sản công: Phòng chuyên môn của huyện đã ban hành kế hoạch và tiến hành kiểm tra công tác quản lý tài chính, tài sản năm 2022 đối với 23 cơ quan, đơn vị (*02 cơ quan chuyên môn của huyện; 06 UBND xã, thị trấn; 15 đơn vị trường học*). Kết quả kiểm tra cơ bản các đơn vị đã thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính, tài sản.

- Số doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập mới trên địa bàn huyện gồm 05 doanh nghiệp, 08 hợp tác xã.

7. Xây dựng phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Nhận thức chuyển đổi số

Hội đồng nhân dân huyện ban hành Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023; UBND huyện đã ban hành chương trình số 116/CTr-UBND ngày 07/4/2022 về phát

động phong trào thi đua thực hiện chương trình chuyển đổi số huyện Xín Mần giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; chương trình số 19/CTr-UBND ngày 31/01/2023 về phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, gắn với công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số năm 2023, kết quả cụ thể:

b) Kiến tạo thể chế

Huyện ủy đã ban hành quyết định số 1350-QĐ/HU ngày 30/8/2022 về kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số, quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong BCĐ huyện, trong đó Bí thư Huyện ủy làm trưởng ban chỉ đạo, 06 phó ban và 15 thành viên, tổ thư ký giúp việc 04 người.

c) Chính quyền số

- 100% các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều sử dụng phần mềm VNPTi-Office trong quản lý và điều hành.

- Toàn huyện có 19 Trang thông tin điện tử (*01 Trang thông tin điện tử huyện, 18 trang thông tin điện tử các xã, thị trấn*). Các Trang thông tin điện tử đều công khai địa chỉ, hòm thư của các đồng chí lãnh đạo huyện và xã, các tin bài về CCHC và các Quyết định công bố TTHC đều được đăng tải đầy đủ trên Mục cải cách hành chính của huyện.

- Tỷ lệ văn bản đi có ứng dụng chữ ký số được phát hành trên phần mềm tính đến 20/11/2023 là 19.312 văn bản trong đó có ký số 19.267/19.312 đạt 99,77%.

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận 11.047 hồ sơ thủ tục hành chính, hồ sơ trực tuyến 9.484/11.047 hồ sơ, đạt 94,4%.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến của đơn vị có tích hợp, hỗ trợ thanh toán trực tuyến: 461/709 hồ sơ đạt 65%; Đã cấu hình, niêm yết TTHC hỗ trợ thanh toán trực tuyến 130/130 đạt 100%.

- Đã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

d) Thúc đẩy kinh tế số, xã hội số

- Tin bài viết về xã hội số, kinh tế số, chuyển đổi số đăng tải tại chuyên mục chuyển đổi số trên Trang/Cổng thông tin điện tử: 437/365 tin bài, phóng sự, đạt 119% KH.

- Phối hợp với trường Cao đẳng cơ điện Hà Nội khảo sát mô hình trồng rau sạch có ứng dụng khoa học công nghệ thông tin tại xã Xín Mần. Đẩy mạnh việc quảng bá các sản phẩm của địa phương trên Trang thông tin điện tử của huyện và trên môi trường mạng. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân tạo tài khoản, viết bài, chụp hình, xây dựng các video quảng bá về sản phẩm, dịch vụ để đăng trên các trang mạng xã hội. Duy trì 03 sản giao dịch điện tử, đưa 11 sản phẩm OCOP lên trang để quảng bá sản phẩm của địa phương thúc đẩy giao dịch thương mại điện tử.

- Phối hợp với VNPT Hà Giang: Triển khai cho lãnh đạo các cơ quan nhà nước và 18/18 xã, thị trấn sử dụng hệ thống tin nhắn thương hiệu SMS Brandname được tích hợp trên VNPT-iOffice, để kịp thời nhắn tin, thông báo khẩn cấp trong việc lãnh, chỉ đạo trong việc khẩn cấp về phòng chống lụt bão, QP-AN, dịch bệnh, tuyên truyền và các thông báo từ chính quyền xã, thôn bản, nhà trường, ngành điện đến với người dân. Ứng

dụng toàn diện hình thức hóa đơn điện tử tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng hóa đơn, biên lai giấy (bao gồm cả các trường học, Y tế đang sử dụng biên lai giấy). Sử dụng phần mềm Y tế cơ sở và phần mềm bán thuốc kê đơn đảm bảo đúng qui định của ngành Y tế và tính liên thông. Xây dựng website sách điện tử huyện Xin Mần thuận tiện cho việc tra cứu văn bản, tìm kiếm cuốn lịch sử huyện và các ngành, địa phương trên địa bàn huyện, gồm các Module: Tư liệu văn bản; Đề án – Chương trình trọng tâm; học tập và làm theo Bác; chuyển đổi số; lịch sử Đảng bộ huyện, xã, thị trấn; khoa giáo – Văn hóa, du lịch và Bản tin nội bộ.

- Kết quả Đề án 06 của Thủ tướng chính phủ: Tổ chuyển đổi số cộng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân đăng ký, tạo tài khoản công dân trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia để thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; đăng ký tài khoản thanh toán điện tử; cài đặt ứng dụng VNeID trên điện thoại di động. Kết quả tổng số công dân trong độ tuổi đủ điều kiện cấp căn cước công dân đến nay 51.511 công dân đạt 99%; Đã thu nhận 55.469/51.551 công dân, đạt 107,6%; Kích hoạt tài khoản ĐDDT (VNeID) 25.035/51.551 công dân, đạt 48,6%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch công tác CCHC năm 2023; Tích cực, chủ động trong công tác rà soát cung cấp TTHC trên phần mềm dịch vụ công, kịp thời phát hiện đề nghị cơ quan có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi các văn bản không còn phù hợp; việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp huyện, cấp xã được duy trì tốt, đáp ứng được nhu cầu của tổ chức và cá nhân khi đến giao dịch; cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt 100%, số hồ thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả trực tuyến đạt 94,4%, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính trả đúng và trước hạn đạt trên 99%.

- Các cơ quan đơn vị thực hiện đúng quy định về chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc UBND huyện; Bố trí công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị theo đúng vị trí việc làm được tỉnh phê duyệt.

- Công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn huyện được quan tâm triển khai.

- Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp được thực hiện theo đúng quy định.

- Chỉ đạo quyết liệt về chuyển đổi số theo lộ trình; Tỷ lệ văn bản có ký số đạt trên 99%/tổng số văn bản điện tử được phát hành; thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt đạt trên 83%/ tổng số hồ sơ có nghĩa vụ thanh toán phí, lệ phí.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ở một số cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã còn có hồ sơ bị trả quá hạn; tỷ lệ số hóa hồ sơ và thanh toán phí, lệ phí trên dịch vụ công thấp; nguồn nhân lực công nghệ thông tin còn thiếu, năng lực còn hạn chế.

- Việc triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trong giải quyết hồ sơ TTHC chất lượng chưa cao.

- Thu ngân sách trên địa bàn và giải ngân vốn đầu tư công còn chậm.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Lãnh đạo một số đơn vị, UBND các xã, thị trấn chưa thực sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành.
- Một số cán bộ, công chức, nhất là cấp xã chưa chủ động trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm chuyên môn nghiệp vụ theo mục tiêu CCHC giai đoạn 2021-2025 vào nhiệm vụ công tác.
- Người dân chưa có thói quen và kỹ năng gửi sử dụng công nghệ thông tin trong nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Tập trung thực hiện mục tiêu Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 của chính phủ, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch của UBND huyện về thực hiện đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2021 - 2030. Thực hiện tốt nhiệm vụ do UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao bảo đảm tiến độ và chất lượng, hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội của năm 2022.

2. Tiếp tục triển khai tuyên truyền CCHC và ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn huyện. Nghiên cứu và chủ động triển khai các nhóm nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số thúc đẩy hiện đại hóa nền hành chính.

3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Phân đầu tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính trên dịch vụ công trực tuyến đạt từ 80% trở lên, thanh toán hồ sơ trực tuyến đạt 50% trở lên. Kiên quyết xử lý người đứng đầu và công chức yếu kém liên quan đến việc xử lý các thủ tục hành chính (chậm giải quyết các TTHC).

4. Tập trung cải cách tổ chức bộ máy, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước, đẩy mạnh việc thực hiện phân cấp quản lý; thực hiện cơ cấu ngạch công chức của các xã, thị trấn theo hướng tinh giản, hiệu lực, hiệu quả; Tiếp tục kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính theo kế hoạch góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp.

6. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (đặc biệt là cán bộ, công chức cấp xã); thực hiện tốt cải cách chế độ công vụ, công chức, kiến toàn và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

7. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Phân đầu giải ngân các nguồn vốn, thu ngân sách đạt kế hoạch giao; Triển khai kịp thời các văn bản về chế độ, chính sách tài chính theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương trong từng giai đoạn; chủ động đôn đốc, kiểm tra, nắm bắt tình hình thực hiện ở các cơ quan, đơn vị, kịp thời tháo gỡ những khó

khăn, vướng mắc về chế độ, chính sách tài chính và thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

8. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Bộ tiêu chí đánh giá chuyển đổi số của tỉnh năm 2024; Hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia chương trình chuyển đổi số thông qua các hội nghị, hội thảo, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng hóa đơn điện tử, ký số, hợp đồng điện tử, quản trị doanh nghiệp số...; Đẩy mạnh hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng theo hình thức lựa chọn và giao một số chỉ tiêu đề án 06 và chỉ tiêu chuyển đổi số đến các thôn, bản trên địa bàn huyện (sản phẩm đặc trưng của huyện như ocop...); Đề nghị các doanh nghiệp viên thông tăng cường hỗ trợ điều chỉnh thông tin thuê bao chính chủ; hướng dẫn người dân, doanh nghiệp chủ động tra cứu và điều chỉnh thông tin thuê bao, đảm bảo chính chủ; Nhân rộng triển khai ở những thôn, xã có đủ điều kiện, tích cực gắn kết mô hình chuyển đổi số với mô hình đề án 06 của huyện; Bổ sung việc phê duyệt và triển khai phương án hồ sơ cấp độ an toàn thông tin trên địa bàn huyện (*theo quy định 100% các hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin*).

Ủy ban nhân dân huyện Xin Mần trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Thường trực Huyện ủy;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Thành viên BCD CCHC huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Văn Tăng

Phụ lục 1**Thông kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Xín Mần)

STT	Chỉ tiêu	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	17	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	43	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	43	
3	Số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC	Cơ quan, đơn vị	9	
3.1	Số phòng chuyên môn được kiểm tra	Đơn vị	03	
3.2	Số xã đã được kiểm tra	Đơn vị	6	
4	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
4.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	5	
4.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	5	
5	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy			
5.1	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Đơn vị		
5.2	Số cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	Đơn vị		
6	Tuyên truyền CCHC			
6.1	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC	Cuộc		
6.2	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh, huyện (nếu có)	Số tin	40	
6.3	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC (nếu có)	Lượt người/lớp	549/8	
6.4	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Trang/Cổng TTĐT của cơ quan, đơn vị	Chuyên mục	29	
6.5	Trên báo Hà Giang	Số tin/số báo		
6.6	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).	Buổi	228	
7	Thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch UBND và UBND tỉnh giao			
7.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	36	
7.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	22	
7.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
8	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
8.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
8.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
8.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
8.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
9	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC cấp xã	Có hoặc không	Có	
10	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức (nếu có)			
10.1	Số lượng phiếu đã khảo sát	Số lượng	0	
10.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
11	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp và CBCCV	Không = 0 Có = 1	0	

Phụ lục 2**Thông kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Xin Mần)

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí		Kết quả		Ghi chú
			Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành				
	Chia theo tên loại VBQPPL	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Văn bản	0	
		Quyết định của UBND cấp tỉnh	Văn bản	0	
		Nghị quyết của HĐND cấp huyện	Văn bản	0	
		Quyết định của UBND cấp huyện	Văn bản	01	
		Nghị quyết của HĐND cấp xã	Văn bản	0	
		Quyết định của UBND cấp xã	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL				
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh		Văn bản	0	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra		%	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra		Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong		Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL				
3.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh		Văn bản	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát		%	0	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát		Văn bản	0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong		Văn bản	0	

Phụ lục 3**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Xin Mần)

STT	Chỉ tiêu	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	
1	Thống kê TTHC			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa			
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1	Số lượng TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.2	Số lượng TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	284	
1.4.3	Số lượng TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	175	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	28	
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	28	
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	12	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,2	
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	2055	
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1997	
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,8	
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	8632	
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	8589	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC		0	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	số lượng	0	
3.4.2	Số lượng PAKN đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo	số lượng	0	

Phụ lục 4**Thống kê và so sánh số lượng tổ chức, biên chế cơ quan, đơn vị**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Xin Mần)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	Ghi chú
I	Về sắp xếp tổ chức bộ máy			
1	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
4	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	61	
5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	61	
5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
II	Tình hình thực hiện về biên chế công chức			
1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Chỉ tiêu	88	
2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	78	
3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3	HD 111
4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11	
III	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
1	Tổng số người làm việc được giao	Chỉ tiêu	1.453	
2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.363	
3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	31	
4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	12,4	

Phụ lục 5

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách chế độ công vụ

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Xin Mần)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thống kê số liệu của kỳ báo cáo	Ghi chú
I	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	61	
3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
II	Về tuyển dụng công chức, viên chức			
1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
1.1	Thi tuyển	Người		
1.2	xét tuyển	Người	0	
2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
4.1	Thi tuyển	Người	0	
4.2	xét tuyển	Người	0	
5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
III	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển	Người		
1	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo trực thuộc qua thi tuyển	Người		
2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới; điều động và bổ nhiệm, tiếp nhận và bổ nhiệm; điều động	Người		
3	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm lại	Người		
4	Số lãnh đạo cấp phòng, lãnh đạo cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc sở, ngành và tương đương được bổ nhiệm mới; điều động và bổ nhiệm, tiếp nhận và bổ nhiệm	Người	06	
5	Số lãnh đạo cấp phòng, lãnh đạo cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc sở, ngành và tương đương được bổ nhiệm lại	Người		
6	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	01	
7	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm lại	Người	11	
IV	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).	Người		
2	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
3	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5	Số CBCCVC không giữ chức danh lãnh đạo thuộc sở, ngành,	Người		

	UBND huyện bị xử lý kỷ luật			
6	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	01	
7	Số CBCC cấp xã bị kỷ luật	Người	02	

Phụ lục 6**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Xin Mần)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	Ghi chú
I	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	90	
1	Kế hoạch được giao Triệu đồng	Triệu đồng	403.186	
2	Đã thực hiện	Triệu đồng	366.230	
II	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		74	
1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	74	
2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Cơ quan, đơn vị	1	
3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị	1	
4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị	2	
4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị	0	
4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị		
4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị	2	
5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị	70	
6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	

Phụ lục 7
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực: Xây dựng và phát triển
Chính quyền điện tử, Chính quyền số

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Xin Mần)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện kỳ báo cáo	Ghi chú
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0		
		Hoàn thành = 1	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến	Chưa có = 0		Sở Thông tin và Truyền thông
	<i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i>	2 cấp = 1		
	<i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%	100	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>)	%	100	
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện kỳ báo cáo	Ghi chú
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	117	
6.1.2	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	117	
6.1.3	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	167	
6.2.2	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	167	
6.2.3	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.3.1	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	471	
6.3.2	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	471	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%	83,94	

Văn phòng UBND tỉnh
(Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện kỳ báo cáo	Ghi chú
6.4.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	2475	
6.4.2	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	2.949	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	Thủ tục	130	
6.5.2	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	Thủ tục	130	
7	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có bản Công bố ISO	cơ quan, đơn vị		Sở Khoa học và Công nghệ